

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BVT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BVT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BVT ENVIRONMENT TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109520328

3. Ngày thành lập: 03/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 33 tổ 16 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969.048.086

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
2.	Sản xuất rượu vang	1102
3.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
4.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	1812
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
10.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
11.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
12.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
13.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

18.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
19.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Thanh lọc nước để cung cấp	3600(Chính)
20.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Xây dựng nhà không để ở	4102
23.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bán buôn đồ uống (trừ loại nhà nước cấm)	4633
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
38.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
42.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5610
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
46.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán và hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
50.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI VĂN TỈNH	Thôn Vân Nội, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	800.000.000	80,000	145398268	

2	NGUYỄN THỊ TỔ MINH	Thôn Vân Nội, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	200.000.000	20,000	145615133	
---	--------------------------	--	-------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI VĂN TỈNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/05/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *145398268*

Ngày cấp: *24/03/2006*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hưng Yên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Vân Nội, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 33 tổ 16 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội